

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tùng Chinh
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Anh Phan Văn E, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Tạm trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2021 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Do quen biết chị và anh Phan Văn E tiến đến hôn nhân vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống về nhiều mặt, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không thể chung sống

hòa hợp và khi mâu thuẫn đến mức trầm trọng vợ chồng không thể sống hạnh phúc được nữa thì chị đã về nhà cha mẹ ruột của chị để sống và vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh E không còn cũng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị xin ly hôn với anh Phan Văn E.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Phan Nguyễn Trúc M, sinh ngày 17/9/2004, lúc chị đi thì M sống chung với anh E, sau đó chị được biết anh E đã gửi M vào Làng trẻ em SOS B, nay M đã lớn thì tùy M quyết định sống với anh E hay Làng trẻ em SOS B chị đều không có ý kiến gì, chị cũng không có yêu cầu nuôi My. Đối với Phan Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/11/2008 hiện H đang sống chung anh E, sau khi ly hôn chị đồng ý để anh E nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi My và H.

Tài sản chung, nợ chung: không có. Vì bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 27/5/2021 bị đơn anh Phan Văn E trình bày: Anh và chị T tự quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới tại địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có quan hệ tình cảm với đàn ông khác bị anh bắt gặp và hai bên có xảy ra xô xát, vợ chồng cũng đã sống ly thân 12 năm nay. Trong thời gian sống ly thân anh có kêu chị T về nhưng chị T không về. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Con chung: vợ chồng có hai con chung tên Phan Nguyễn Trúc M, sinh ngày 17/9/2004 và Phan Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/11/2008, lúc chị T bỏ đi do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hai con còn nhỏ đang tuổi ăn học nên anh có nhờ chính quyền địa phương xác nhận để anh làm thủ tục gửi M và H vào Làng trẻ em SOS B, nay M vẫn còn ở Làng trẻ em SOS B. Riêng H đã nghỉ học hiện đang sống với anh, anh có gửi H ở nhà người thân để học sửa xe. Sau khi ly hôn anh đồng ý để Làng trẻ em SOS B tiếp tục nuôi dưỡng M đến trưởng thành, anh đồng ý nuôi H, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Tài sản chung, nợ chung: không có. Vì đi lại khó khăn và bận đi làm nên anh xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Phan Văn E; Về con chung: Anh Phan Văn E được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phan Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/11/2008, giao Làng trẻ em SOS B tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Trúc M, sinh ngày 17/9/2004 cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi hai

con do anh E không có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Phan Văn E có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T đối với anh Phan Văn E, thấy rằng: Về hôn nhân: Chị T và anh E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống về nhiều mặt, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không thể chung sống hòa hợp và khi mâu thuẫn đến mức trầm trọng vợ chồng không thể sống hạnh phúc được nữa thì chị đã về nhà cha mẹ ruột của chị để sống và vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh E không còn, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị xin ly hôn với anh Phan Văn E. Phía anh E cũng xác định sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có quan hệ tình cảm với đàn ông khác bị anh bắt gặp và hai bên có xảy ra xô xát, vợ chồng cũng đã sống ly thân 12 năm. Trong thời gian sống ly thân anh có kêu về nhưng chị T không về. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù hôn nhân của anh chị xuất phát từ nền tảng tình yêu nhưng trong thời gian chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân đã hơn 10 năm nay, trong thời gian sống ly thân anh chị cũng có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, nay cả chị T và anh E đều mong muốn ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh E là phù hợp.

Về con chung: Cháu Phan Nguyễn Trúc M, sinh ngày 17/9/2004 đã được Làng trẻ em SOS B chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2014 cho đến nay, nguyện vọng của cháu M sau khi cha mẹ ly hôn là được ở lại Làng trẻ em SOS B để tiện việc học hành, anh E và chị T cũng đồng ý nên để không xáo trộn cuộc sống cũng như việc học của cháu M, Hội đồng xét xử nghĩ để Làng trẻ em SOS B tiếp tục chăm

sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu My tròn 18 tuổi là phù hợp. Đối với cháu Phan Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/11/2008 từ khi anh chị ly thân đến nay cháu H vẫn do anh E trực tiếp nuôi dưỡng, anh E có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H và chị T không có tranh chấp về việc nuôi con nên nghĩ để anh E tiếp tục nuôi cháu H là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con: Do anh E không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Phan Văn E thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Phan Văn E.

[2] *Về con chung*: Anh Phan Văn E được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phan Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/11/2008, hiện đang sống chung với anh E, chị Nguyễn Thị Mộng T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh E không có yêu cầu.

Giao Làng trẻ em SOS B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Trúc M, sinh ngày 17/9/2004 cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật về việc chấm dứt việc nuôi dưỡng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu

cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Phan Văn E thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006186 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không còn phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T, số 14, ngày 06/3/2006 (1b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhơ